



Mã: JB
Ngày thông qua: 12/02/00
Đã sửa đổi/Tái thông qua: 12/20/12; 4/08/21

Cơ hội Giáo dục Bình đẳng**

Mọi học sinh của học khu sẽ cung cấp các cơ hội giáo dục bình đẳng bất kể tuổi tác, giới tính, bản dạng giới, khuynh hướng tình dục^[1], chủng tộc^[2], tôn giáo, màu da, quốc gia xuất xứ, tình trạng khuyết tật, tình trạng hôn nhân, tình trạng gia đình, tình trạng làm cha mẹ, nền tảng ngôn ngữ, văn hóa, tình trạng kinh tế xã hội, năng lực hoặc vị trí địa lý.

Học khu sẽ phát triển và thực hiện Kế hoạch Cơ hội Giáo dục Bình đẳng trong đó đảm bảo rằng không có học sinh nào bị loại trừ không cho tham gia, từ chối lợi ích, hoặc bị phân biệt đối xử trong bất kỳ chương trình giáo dục hoặc hoạt động nào do học khu tiến hành hoặc bị từ chối tiếp cận các cơ sở trong học khu. Tất cả các báo cáo, khiếu nại hoặc thông tin đều sẽ được điều tra. Học sinh hoặc phụ huynh có thể tiếp cận và sử dụng quy trình khiếu nại chung của học khu thông qua chính sách của Hội đồng KL - Khiếu nại Công khai.

Học khu sẽ thông báo tình trạng khả dụng của các chính sách và thủ tục khiếu nại cho học sinh và phụ huynh thông qua các hệ thống thông tin liên lạc và sổ tay của học khu, đồng thời sẽ được công bố trên trang web của học khu và có sẵn tại văn phòng học khu trong giờ làm việc thông thường.

** Như được sử dụng trong chính sách này, thuật ngữ phụ huynh bao gồm người giám hộ hợp pháp hoặc người trong mối quan hệ cha mẹ. Tư cách pháp lý và nhiệm vụ của người giám hộ hợp pháp được định nghĩa trong ORS 125.005 (4) và 125.300 - 125.325. Việc xác định xem liệu một cá nhân có trong một mối quan hệ cha mẹ, nhằm mục đích xác định nơi cư trú hay không, phụ thuộc vào việc đánh giá các yếu tố được liệt kê trong ORS 419B.373. Việc xác định nhằm các mục đích khác phụ thuộc vào việc đánh giá các yếu tố đó và giấy ủy quyền được thực thi theo ORS 109.056. Đối với học sinh chương trình giáo dục đặc biệt, phụ huynh cũng bao gồm một phụ huynh thay thế, một học sinh trưởng thành đã chuyển giao các quyền và cha mẹ nuôi tạm thời như được định nghĩa trong OAR 581-015-2000.

KẾT THÚC CHÍNH SÁCH

(Các) Tham chiếu Pháp lý:

ORS 174.100	ORS 336.086	ORS 659A.400
ORS 192.630	ORS 659.850	ORS 659A.403
ORS 326.051	ORS 659.852	ORS 659A.406
ORS 329.025	ORS 659A.001	OAR 581-021-0045
ORS 332.107	ORS 659A.003	OAR 581-021-0046
	ORS 659A.006	OAR 581-022-2310
	ORS 659A.103 - 659A.145	OAR 839-003-0000

Title VI của Đạo luật Dân Quyền năm 1964, 42 U.S.C. § 2000d (2018); 28 C.F.R. §§ 42.101-42.106 (2019).

Đạo luật Phục hồi năm 1973, 29 U.S.C. §§ 791, 793-794 (2018); 34 C.F.R. Phần 104 (2019).

Title IX của Tu chính về Giáo dục năm 1972, 20 U.S.C. §§ 1681-1683, 1701, 1703-1705 (2018); Không phân biệt đối xử về Cơ sở Giới tính trong Các Chương trình hoặc Hoạt động Giáo dục Nhận Hỗ trợ Tài chính Liên bang, 34 C.F.R. Phần 106 (2020).

Đạo luật về Người Mỹ Khuyết tật năm 1990, 42 U.S.C. §§ 12101-12213 (2018); 29 C.F.R. Phần 1630 (2019); 28 C.F.R. Phần 35 (2019).

Đạo luật Sửa đổi Đạo luật về Người Mỹ Khuyết tật năm 2008, 42 U.S.C. §§ 12101-12333 (2018).
Dự luật Hạ viện 2935 (2021)
Dự luật Hạ viện 3041 (2021)

(Các) Tham chiếu Chéo:

AC - Không phân biệt đối xử
ACA - Người Mỹ Khuyết tật

[1] “Khuynh hướng tình dục” có nghĩa là xu hướng của một người thiên về tình dục khác giới, tình dục đồng giới, tình dục lưỡng giới hoặc bản dạng giới thực tế hoặc sự nhận thức về xu hướng tình dục của một cá nhân, bất kể bản dạng giới, ngoại hình, biểu hiện hoặc hành vi của cá nhân đó khác với giới tính truyền thống được liên kết với giới tính khi sinh của cá nhân đó.

[2] Chủng tộc cũng bao gồm các đặc điểm nhận dạng có liên quan về mặt lịch sử với chủng tộc, bao gồm nhưng không chỉ gồm tóc tự nhiên, kết cấu tóc, loại tóc và kiểu tóc bảo vệ theo định nghĩa của ORS 659A.001 (được sửa đổi bởi Dự luật Hạ viện 2935 (2021)).